

TCVN

TIÊU CHUẨN QUỐC GIA

TCVN 1572 : 1985

**NẮP Ổ LĂN - NẮP CAO CÓ RÃNH MỖ, ĐƯỜNG KÍNH
TỪ 47 MM ĐẾN 100 MM - KÍCH THƯỚC CƠ BẢN**

*Caps for rolling bearing blocks - High end caps with grooves for fat diameters
from 47 mm till 100 mm - Basic dimensions*

HÀ NỘI - 2008

Lời nói đầu

TCVN 1572 : 1985 thay thế cho TCVN 1572 : 1974.

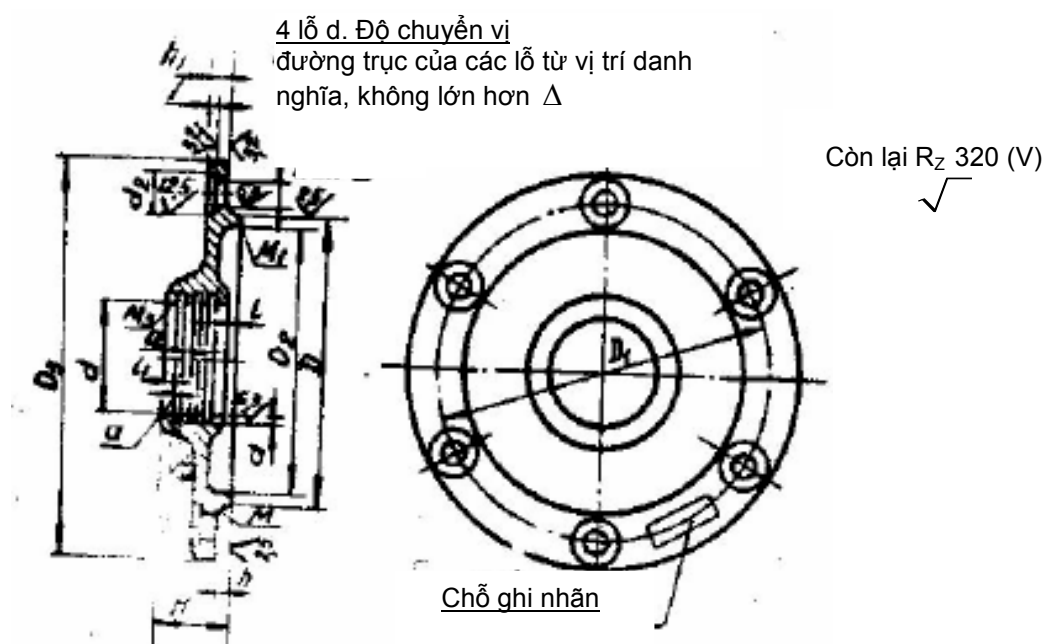
TCVN 1572 : 1985 do Viện Nghiên cứu máy - Bộ cơ khí và luyện kim biên soạn, Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng đề nghị, Ủy ban Khoa học và Kỹ thuật Nhà nước (nay là Bộ Khoa học và Công nghệ) xét duyệt và ban hành.

Tiêu chuẩn này được chuyển đổi năm 2008 từ Tiêu chuẩn Việt Nam cùng số hiệu thành Tiêu chuẩn Quốc gia theo quy định tại Khoản 1 Điều 69 của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật và điểm a Khoản 1 Điều 6 Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 1/8/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật.

Nắp ổ lăn - Nắp cao có rãnh mỡ đường kính từ 47 mm đến 100 mm - Kích thước cơ bản

Caps for rolling bearing blocks – High end caps with grooves for fat diameters from 47 mm till 100 mm - Basic dimensions

- 1 Tiêu chuẩn này áp dụng cho nắp ổ lăn kiểu thùng, cao và có rãnh mỡ. Nắp được dùng cho các gối đỡ trục cố định vòng trong ổ lăn bằng đai ốc. Để làm kín trục phải dùng mỡ đặc lấp đầy các rãnh của nắp thùng.
- 2 Kích thước cơ bản phải theo chỉ dẫn trên Hình 1 và trong Bảng 1



Hình 1

Bảng 1

Kích thước tính bằng milimét																								
Ký hiệu của nắp	D (sai lệch giới hạn theo h8)	Đường kính trục hay ống lót d _{dn}	d (sai lệch giới hạn theo A11)	D ₁	D ₂	d ₁	d ₂	Δ	B	H	h	h ₁	l	l ₁	a	r	r ₁	Tải trọng dọc trục giới hạn, N	Khối lượng, Kg					
CR 47x17	47	17	17	63	41	9	18	0,10	65	27	4	6	11	3	2	-	10,5	1600	0,21					
CR 52x17	52	20	20	70	45				72	28			23					2500	75	11,00	80	12,0	6000	0,24
CR 52x20				80	55				85	29			13											3000
CR 62x20	62	25	25	90	65				98	30			14	4000	70	11,00	80	12,0	6000	0,35				
CR 62x25				100	72				110	31			15							7000	85	12,5	0,33	
CR 72x25	72	30	30	105	78				115	33	21	7000	85	12,5	80	12,0	6000	0,39						
CR 72x30				120	90				135	40	23							7000	85	12,5	0,38			
CR 80x30	80	35	35	130	95				140	46	25	7000	85	12,5	80	12,0	6000				0,46			
CR 80x35				140	105				155	50	27							7000	85	12,5	0,45			
CR 85x40	85	40	40	160	110	125	39	17	7000	85	12,5	80	12,0	6000	0,48									
CR 90x35	90	45	45	170	120	135	46	23							7000	85	12,5	80	12,0	6000	0,70			
CR 90x45				180	130	145	55	29	7000	85	12,5	0,72												
CR 100x40	100	50	50	190	140	155	60	27				7000	85	12,5	80	12,0	6000	0,87						
CR 100x50				200	150	165	65	31	7000	85	12,5							0,86						